TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ CÔNG TÂY** TỈNH TIỀN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2024/HN-ST
Ngày: 12/3/2024
V/v "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Thanh Bình.**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Nguyễn Trương Ngươn.**

Bà **Nguyễn Thị Nhàn.**

- Thư ký phiên tòa*:* Bà **Trần Thị Ngọc Thúy** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây tham gia phiên toà: Không tham gia.

Ngày 12 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 446/2023/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2023 về tranh chấp "*Xin ly hôn*".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2024/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 01 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2024/QĐST-HN ngày 20 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: **Võ Thành T,** sinh năm 1978.

Địa chỉ: ấp Tân Long, xã Thanh Phú Long, huyện Châu Thành, Tiền Giang.

+ Bị đơn: **Huỳnh Thị Kim T,** sinh năm 1977.

Địa chỉ: ấp Bình Hòa Long, xã Bình Nhì, huyện Gò Công Tây, Tiền Giang.

(Anh T xin vắng mặt, chị T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản hòa giải nguyên đơn anh T trình bày:

Anh và chị Huỳnh Thị Kim T cưới nhau năm 1998 và chung sống với nhau từ năm 1998 và có đăng ký kết hôn được Uỷ ban nhân dân xã Thanh Phú Long, Châu Thành, Long An cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 28/3/2005. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng xảy ra các cuộc cải vã nhau vợ đã bỏ đi về nhà cha mẹ ruột sống ở ấp Bình Hòa Long, xã Bình Nhì, huyện Gò Công Tây và dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài được nên anh quyết định ly hôn. Vợ chồng anh đã ly thân hơn 11 năm nay, không tới lui nhau. Nay, anh Thật yêu cầu được ly hôn

với chị T.

Về con chung: Anh chị chung sống có 03 đứa con chung tên Võ Thị Ngọc M, sinh ngày 21/7/1999; Võ Thị Mỹ D, sinh ngày 12/9/2003 và Võ Thị Mỹ T, sinh ngày 17/01/2005, hiện nay các con đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

* Bị đơn chị T vắng mặt, mặc dù được Tòa án tống đạt hợp lệ giấy triệu tập, thông báo thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của anh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng, quan hệ tranh chấp: Anh T, chị T tự nguyện tiến tới hôn nhân, tổ chức cưới năm 1998, có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã Thanh Phú Long, huyện Châu Thành, Long An cấp giấy chứng nhận kết hôn số 31 ngày 28/3/2005 là hôn nhân hợp pháp. Nay tranh chấp được xem xét giải quyết theo Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014 và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định Điều 28, 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn chị T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị T.

Nguyên đơn anh T có đơn xin vắng mặt các phiên xét xử của Tòa án. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh T.

[2] Về nội dung:

Anh T vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với chị T nguyên nhân vợ chồng xảy ra các cuộc cải vã nhau nên chị T đã bỏ đi về nhà cha mẹ ruột sống ở ấp Bình Hòa Long, xã Bình Nhì, huyện Gò Công Tây, dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài được, anh chị đã ly thân hơn 11 năm nay, không tới lui nhau. Xét thấy mâu thuẫn giữa anh chị là có xảy ra nhưng anh chị không khắc phục để kéo dài làm ảnh hưởng hạnh phúc vợ chồng. Tòa án nhiều lần mời chị T đến hòa giải đoàn tụ nhưng chị không đến, điều này thể hiện chị T không còn thiết tha gì đến tình cảm, hạnh phúc vợ chồng và thời gia xa nhau đã lâu. Do đó, yêu cầu ly hôn của anh T là có cơ sở cần được chấp nhận phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014.

[3] Về con chung: Anh chị có 03 đứa con chung tên Võ Thị Ngọc M, sinh ngày 21/7/1999; Võ Thị Mỹ D, sinh ngày 12/9/2003 và Võ Thị Mỹ T, sinh ngày 17/01/2005, hiện nay các con đã trưởng thành nên anh Thật không yêu cầu giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Anh T khai không có nên Hội đồng xét xử

không xem xét, giải quyết.

Xét lời phát biểu đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát có cơ sở được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Anh T phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: ***Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Võ Thành T.***

- Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Võ Thành T được ly hôn với chị Huỳnh Thị Kim T.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh T khai không có.

- Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Anh T phải chịu số tiền 300.000đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng 300.000đồng theo biên lai số 0009131 ngày 18/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây. Như vậy, anh T đã nộp xong án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng anh T, chị T kháng cáo kể từ ngày Tòa án tống đạt hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(ĐÃ KÝ)

Phan Thanh Bình

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TG;
- VKSND huyeän GCT;
- C.c. THADS huyện GCT ;
- Ñöông söï;
- UBND xã Thanh Phú Long, Châu Thành, LA;
- Löu hoà sô.